|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP****VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**Số: /2021/TT-BNNPTNTDỰ THẢO 2 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Hà Nội, ngày tháng năm 2021 |

**THÔNG TƯ**

**Quy định chung nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình và quy định cụ thể nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống thiên tai thuộc lĩnh vực**

 **nông nghiệp và phát triển nông thôn**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 19/6/2020;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng chống thiên tai,*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định chung nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình và quy định cụ thể nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.*

**Chương I**

**QUI ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định chung nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác (gọi chung là công trình).

2. Thông tư này quy định cụ thể nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều, kè, công trình phòng chống sạt lở, đập, hồ chứa thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn, cấp nước sạch nông thôn và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có các hoạt động liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình trên lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình là tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý vận hành và sử dụng công trình hoặc quản lý, vận hành và sử dụng công trình do mình đầu tư xây dựng.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành là cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình thuộc Bộ chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình là những hoạt động duy trì và bảo đảm công trình ổn định**,** an toàn theo đúng năng lực thiết kế trước trong và sau thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra và không làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, phát sinh thiên tai mới

4. Kè và công trình chống sạt lở là công trình phòng chống sạt lở bờ sông, suối, kênh, rạch và bờ biển (sau đây gọi là công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển).

**Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình**

1. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 4 Luật phòng, chống thiên tai.

2. Tuân thủ các quy định về bảo trì, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình.

3. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng công trình, không làm tăng rủi ro thiên tai hiện hữu và xuất hiện thiên tai mới.

4. Phát hiện và xử lý kịp thời, hiệu quả sự cố công trình và các hoạt động gia tăng rủi ro thiên tai.

5. Thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai phù hợp để giảm thiểu rủi ro thiên tai.

6. Bảo đảm an toàn về người, trang thiết bị, an toàn công trình và khu vực lân cận do tác động của việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CHUNG NỘI DUNG BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH**

**Điều 5. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình**

1. Theo dõi diễn biến công trình, vận hành công trình, khu vực chịu tác động do vận hành công trình và thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình.

a) Đo đạc, quan trắc, giám sát an toàn công trình, vận hành công trình, khu vực chịu tác động do vận hành công trình, các khu vực trọng điểm xung yếu của công trình và khu vực có nguy cơ cao làm gia tăng rủi ro thiên tai.

b) Đo đạc, quan trắc, theo dõi các yếu tố liên quan đến diễn biến thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình.

2. Bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình, máy móc, thiết bị liên quan đến an toàn phòng chống thiên tai của công trình theo quy định.

3. Kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình và khu vực chịu tác động khi vận hành công trình.

a) Kiểm tra thường xuyên hiện trạng công trình và vùng phụ cận.

b) Kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm hiện trạng, mức độ ổn định theo các cấp độ rủi ro thiên tai đối với công trình.

c) Kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình, mức độ ổn định theo các cấp độ rủi ro thiên tai đối với công trình ngay sau khi có cảnh báo thiên tai, kết thúc đợt thiên tai hoặc yêu cầu trong công tác quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

4. Sửa chữa hư hỏng, xử lý sự cố và các tình huống ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai đối với công trình.

a) Tổ chức sửa chữa hư hỏng và xử lý kịp thời sự cố trong quá trình quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

b) Xử lý các tình huống và hành vi vi phạm các quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến an toàn công trình hoặc làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

5. Xây dựng, rà soát, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai.

6. Xây dựng, phê duyệt và thực hiện quy trình vận hành công trình (đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành).

a) Xây dựng, phê duyệt và thực hiệnquy trình vận hành theo quy định của pháp luật về vận hành công trình.

b) Khi vận hành công trình phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức có liên quan và chính quyền nơi chịu tác động của quá trình vận hành công trình.

c) Quá trình thực hiện vận hành phải được ghi chép đầy đủ vào sổ nhật ký vận hành công trình và phải tuân thủ việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

7. Tổ chức tuần tra, canh gác đối với các công trình đặc thù theo quy định của pháp luật.

8. Tổng hợp và báo cáo kịp thời, chính xác tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình và các thiệt hại khác thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

9. Khắc phục kịp thời, hiệu quả do thiên tai gây ra đối với công trình, đảm bảo đưa công trình vận hành ứng phó kịp thời với thiên tai.

10. Tổ chức lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu về thiên tai, hồ sơ về quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

a) Thông tin, dữ liệu về thiên tai ảnh hưởng đến công trình phải được cập nhật thường xuyên bao gồm thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình.

b) Hồ sơ về quản lý, vận hành và sử dụng công trình phải được lưu trữ bao gồm tài liệu khảo sát, thiết kế, hoàn công xây dựng, sửa chữa lớn và nâng cấp công trình; tài liệu về kiểm định, bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình; các biên bản, báo cáo kiểm tra mức độ an toàn phòng chống thiên tai; phương án ứng phó thiên tai; quy trình vận hành công trình và các tài liệu khác liên quan đến an toàn về phòng chống thiên tai được cấp có thẩm quyền quy định.

c) Hồ sơ quản lý công trình và thông tin, dữ liệu về thiên tai phải được lưu trữ có hệ thống tại cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

**Điều 6. Trách nhiệm thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.**

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

a) Tổ chức thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai quy định tại Điều 5 Thông tư này.

b) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình theo quy định, gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý hoặc Bộ quản lý chuyên ngành:

- Đối với báo cáo kiểm tra, đánh giá định kỳ: trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ; trước ngày 30 tháng 6 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ và Tây Nguyên; trước ngày 31 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Nam Bộ.

- Đối với báo cáo kiểm tra, đánh giá đột xuất: sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đánh giá đột xuất.

Ngoài việc báo cáo bằng văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình phải báo cáo qua điện thoại ngay sau khi phát hiện sự cố hư hỏng công trình, tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai và gia tăng rủi ro thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

c) Xử lý kịp thời hư hỏng, sự cố công trình, các hành vi vi phạm quy định của pháp luật và tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn công trình. Trường hợp vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý và cơ quan quản lý chuyên ngành để được hỗ trợ.

d) Thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý chuyên ngành kết quả thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

đ) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống thiên tai đối với các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

c) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình, mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình.

d) Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá định kỳ hiện trạng công trình, mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý hoặc Bộ quản lý chuyên ngành: trước ngày 15 tháng 5 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ; trước ngày 15 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ và Tây Nguyên; trước ngày 15 tháng 8 hàng năm đối với công trình ở Nam Bộ.

đ) Báo cáo hoặc tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình: sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đánh giá đột xuất đối với việc tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm tra, đánh giá của cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

e) Tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu hàng năm về thiên tai, công trình trong phạm vi toàn tỉnh.

g) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố hư hỏng, tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình, gia tăng rủi ro thiên tai và các hành vi vi phạm quy định của pháp luật ảnh hưởng đến an toàn công trình thuộc phạm vi quản lý.

h) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước khác về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

a) Thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

b) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình do địa phương quản lý.

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất hiện trạng công trình, mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

d) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố hư hỏng, tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình, gia tăng rủi ro thiên tai và hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn công trình thuộc phạm vi quản lý.

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình thuộc phạm vi quản lý.

**Chương III**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ NỘI DUNG BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Điều 7. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển**

1. Theo dõi diễn biến công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển và các loại thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

a) Đo đạc, quan trắc giám sát biến dạng; chuyển dịch ngang, dọc, đứng; các thông số kỹ thuật của công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; diễn biến lòng dẫn bao gồm cả phía bờ đối diện và diễn biến bờ sông, bờ biển trong phạm vi bảo vệ công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Đo đạc, quan trắc, theo dõi diễn biến mưa lớn, mực nước, dòng chảy, sóng thường xuyên tác động lên công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

2. Bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển định kỳ theo quy định.

3. Kiểm tra, đánh giá hiện trạng, mức độ ổn định công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển theo cấp độ rủi ro thiên tai (lũ, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, nước dâng, mưa lớn, động đất).

a) Kiểm tra thường xuyên hiện trạng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển và khu vực lân cận, đối diện.

b) Kiểm tra, đánh giá định kỳ trước và sau mùa mưa lũ hàng năm về hiện trạng, mức độ ổn định công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển theo các cấp độ rủi ro thiên tai.

c) Kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng, mức độ ổn định công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển theo các cấp độ rủi ro thiên tai ngay sau khi có cảnh báo thiên tai hoặc kết thúc đợt thiên tai.

4. Sửa chữa hư hỏng, xử lý kịp thời các tình huống và các hành vi vi phạm quy định của pháp luật đến an toàn công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai.

5. Xây dựng, rà soát, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai và các văn bản có liên quan.

6. Tổng hợp và báo cáo kịp thời, chính xác tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

7. Khắc phục kịp thời, hiệu quả thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

8. Tổ chức lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu về thiên tai, hồ sơ về quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

a) Thông tin, dữ liệu về lũ, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, nước dâng, mưa lớn, động đất, sóng thần và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Hồ sơ về quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển phải được lưu trữ bao gồm tài liệu khảo sát, thiết kế, hoàn công xây dựng, sửa chữa lớn và nâng cấp công trình; tài liệu về duy tu bảo dưỡng công trình; các biên bản, báo cáo kiểm tra đánh giá thường xuyên (nếu có), định kỳ và đột xuất về hiện trạng và mức độ ổn định phòng chống thiên tai; phương án ứng phó thiên tai và các tài liệu khác có liên quan đến an toàn về phòng chống thiên tai.

c) Hồ sơ quản lý công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển và thông tin, dữ liệu về thiên tai phải được lưu trữ có hệ thống tại cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp công trình.

**Điều 8. Trách nhiệm thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển**

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển

a) Tổ chức thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai quy định tại Điều 7 Thông tư này.

b) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình, gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý theo thời gian như sau:

- Đối với báo cáo kiểm tra, đánh giá định kỳ: trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ; trước ngày 30 tháng 6 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ và Tây Nguyên; trước ngày 31 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Nam Bộ.

- Đối với báo cáo kiểm tra, đánh giá đột xuất: sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đánh giá đột xuất.

Ngoài việc báo cáo bằng văn bản, cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển phải báo cáo qua điện thoại ngay sau khi phát hiện sự cố, hư hỏng công trình, tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai và gia tăng rủi ro thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

c) Xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định của pháp luật, sự cố ảnh hưởng đến an toàn công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Trường hợp vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý và cơ quan quản lý chuyên ngành để được hỗ trợ.

đ) Thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý chuyên ngành kết quả thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

e) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống thiên tai đối với các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

c) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình và mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá định kỳ hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý: trước ngày 15 tháng 5 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ; trước ngày 15 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ và Tây Nguyên; trước ngày 15 tháng 8 hàng năm đối với công trình ở Nam Bộ.

đ) Báo cáo hoặc tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình: sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đánh giá đột xuất đối với việc tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm tra, đánh giá đột xuất của cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

e) Tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu hàng năm về thiên tai, công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển trong phạm vi toàn tỉnh.

g) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố, hư hỏng và các hành vi vi phạm quy định của pháp luật ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

a) Thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển do địa phương quản lý.

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất hiện trạng công trình, mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

d) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố hư hỏng, tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình, gia tăng rủi ro thiên tai và các hành vi vi phạm quy định của pháp luật ảnh hưởng đến an toàn công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển thuộc phạm vi quản lý.

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

**Điều 9. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều**

1. Theo dõi diễn biến, vận hành công trình đê điều, khu vực chịu tác động do vận hành công trình đê điều và thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình đê điều.

a) Đo đạc, quan trắc, giám sát an toàn công trình đê điều bao gồm: khảo sát địa hình, địa chất các tuyến đê chưa đủ dữ liệu phục vụ công tác đánh giá công trình đê điều; định kỳ đo vẽ mặt cắt cố định ngang sông; đo đạc sơ hoạ diễn biến lòng dẫn; đo đạc diễn biến bãi biển trước đê; quan trắc biến dạng, chuyển vị, thấm của các đoạn đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê xung yếu.

b) Khi có thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến công trình đê điều phải:

- Thường xuyên đo đạc, quan trắc mực nước, sóng, thủy triều; theo dõi diễn của mưa, lũ, bão ảnh hưởng đến an toàn công trình đê điều.

- Thực hiện việc tuần tra, canh gác theo cấp báo động để theo dõi diến biến công trình đê điều theo quy định tại Thông tư số 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa lũ.

2. Duy tu, bảo dưỡng công trình đê điều; bổ sung, bảo dưỡng, thu gom vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão và quản lý, sử dụng vật tư dự trữ phòng chống lụt bão theo quy định của pháp luật về đê điều và các văn bản hướng dẫn.

3. Kiểm tra, đánh giá an toàn phòng chống lũ, bão đối với công trình đê điều

a) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi diễn biến tình trạng đê điều theo quy định của pháp luật về đê điều.

b) Kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều hàng năm, xác định các vị trí trọng điểm xung yếu về đê điều.

c) Kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều ngay sau khi có cảnh báo lũ, bão hoặc kết thúc đợt lũ, bão.

4. Kiểm tra định kỳ, đột xuất an toàn công trình đê điều, liên quan đến an toàn đê điều và thoát lũ theo quy định.

5. Sửa chữa hư hỏng, xử lý sự cố, các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình đê điều, gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai và các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

a) Tổ chức sửa chữa hư hỏng và xử lý kịp thời sự cố đê điều theo quy định tại Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều.

b) Xử lý các tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn công trình đê điều hoặc làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều.

c) Xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều theo quy định của Luật Đê điều và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Xây dựng, rà soát, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều.

a) Xây dựng, rà soát, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều theo các nội dung: hiện trạng công trình; dự kiến các tình huống xảy ra; giải pháp kỹ thuật xử lý; khối lượng vật tư, phương tiện, lượng lực ứng phó; phương án huy động vật tư, nhân lực, đường vận chuyển, thời gian tập kết, phân công trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và xây dựng bản đồ phương án, huy động vật tư, nhân lực cho từng trọng điểm xung yếu đê điều.

b) Phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều phải đáp ứng theo phương châm 4 tại chỗ “chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ” nhằm kịp thời công tác hộ đê, đảm bảo an toàn đê điều.

c) Phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều phải xây dựng, rà soát, điều chỉnh theo quy định tại Luật Đê điều và các quy định của pháp luật khác có liên quan và phê duyệt trước ngày 15 tháng 5 hàng năm.

7. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy trình vận hành công trình phân lũ, chậm lũ và cống qua đê.

a) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy trình vận hành công trình phân lũ, chậm lũ và cống qua đê theo quy định của pháp luật.

b) Khi vận hành công trình phân lũ, chậm lũ và cống qua đê phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan và chính quyền khu vực bị tác động do quá trình vận hành.

c) Quá trình thực hiện quy trình vận hành công trình phân lũ, chậm lũ và cống qua đê phải được ghi chép đầy đủ vào nhật ký và được kiểm tra, giám sát.

8. Hộ đê

a) Việc hộ đê phải được tiến hành thường xuyên, nhất là trong mùa lũ, bão và phải cứu hộ kịp thời khi công trình đê điều bị sự cố hoặc có nguy cơ bị sự cố.

b) Đảm bảo an toàn công trình đê điều trong mùa lũ bão theo quy định tại Luật Đê điều và Thông tư số 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa lũ.

9. Tổ chức lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu về thiên tai, hồ sơ về quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều.

a) Thông tin, dữ liệu về thiên tai ảnh hưởng đến công trình đê điều và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình đê điều phải được cập nhật thường xuyên và theo từng đợt.

b) Hồ sơ về quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều phải được lưu trữ bao gồm tài liệu thiết kế, hoàn công xây dựng, tu bổ, nâng cấp công trình đê điều; tài liệu về kiểm định, bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình đê điều; các biên bản, báo cáo đánh giá hiện trạng công trình; phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều; quy trình vận hành công trình phân lũ, chậm lũ, cống qua đê và các tài liệu khác liên quan đến an toàn công trình đê điều.

c) Hồ sơ quản lý công trình đê điều và thông tin, dữ liệu về thiên tai phải được lưu trữ có hệ thống tại cơ quan quản lý trực tiếp công trình (Hạt quản lý đê, Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão (Chi cục Thủy lợi) và các đơn vị quản lý đê chuyên dùng).

**Điều 10. Trách nhiệm thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều.**

1. Trách nhiệm của lực lượng chuyên trách quản lý đê điều

a) Kiểm tra, theo dõi diễn biến tình trạng đê điều.

b) Lập hồ sơ lưu trữ và cập nhật thường xuyên dữ liệu về công trình đê điều và thiên tai ảnh hưởng đến công trình đê điều.

c) Xây dựng phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều; phương án xử lý sự cố đê điều.

d) Thực hiện các nội dung khác liên quan đến bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình đê điều quy định tại Điều 9 Thông tư này và Luật Đê điều.

2. Trách nhiệm của Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão (Chi cục Thủy lợi): chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, chỉ đạo lực lượng chuyên trách quản lý đê điều thực hiện việc quản lý, kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều trên địa bàn; duy tu, bảo dưỡng đê điều; xây dựng phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều và các nội dung khác về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình đê điều theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình đê điều.

b) Chỉ đạo Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão (Chi cục Thủy lợi) phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai quy định tại Điều 9 Thông tư này.

c) Hướng dẫn, tổ chức xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung và trình phê duyệt phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều.

d) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều theo quy định; tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá định kỳ hiện trạng công trình đê điều, báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định sau: trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với các tỉnh Bắc Bộ và các tỉnh có đê từ cấp III trở lên; trước ngày 30 tháng 6 đối với các tỉnh Trung Bộ và trước ngày 31 tháng 7 đối với các tỉnh Nam Bộ.

đ) Báo cáo hoặc tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình đê điều: sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đánh giá đột xuất đối với việc tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm tra, đánh giá đột xuất của cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều.

e) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố, hư hỏng và các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều thuộc phạm vi quản lý.

đ) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều thuộc phạm vi quản lý.

4. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều.

b) Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều, phương án hộ đê theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất hiện trạng công trình, mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình đê điều thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

d) Thực hiện các nội dung liên quan đến bảo đảm an toàn đê điều quy định tại Chương III về bảo vệ và sử dụng đê điều, Chương IV về hộ đê, Chương VI về trách nhiệm quản lý nhà nước về đê điều của Luật Đê điều và các nội dung khác quy định tại Điều 6, Điều 9 Thông tư này theo trách nhiệm, thẩm quyền được giao.

đ) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố hư hỏng, tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình đê điều, gia tăng rủi ro thiên tai và các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều thuộc phạm vi quản lý.

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công đê điều thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 11. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn và cấp nước sạch nông thôn (gọi chung là công trình thủy lợi).**

1. Quan trắc, theo dõi diễn biến, vận hành công trình và thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình thủy lợi theo quy định tại Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy lợi.

2. Bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị liên quan đến an toàn phòng chống thiên tai đối với công trình thủy lợi theo quy định.

3. Kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình và khu vực chịu tác động khi vận hành công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn và cấp nước sạch nông thôn.

a) Kiểm tra thường xuyên hiện trạng và vùng phụ cận của công trình thủy lợi.

b) Kiểm tra, đánh giá định kỳ trước và sau mùa mưa lũ hàng năm về hiện trạng, mức độ ổn định công trình thủy lợi theo các cấp độ rủi ro thiên tai.

c) Kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình thủy lợi theo các cấp độ rủi ro thiên tai ngay sau khi có cảnh báo thiên tai hoặc kết thúc đợt thiên tai.

d) Lập danh mục các công trình hư hỏng, xuống cấp không bảo đảm công suất, năng lực thiết kế công trình, có nguy cơ mất an toàn và kinh phí thực hiện”.

4. Rà soát, đánh giá khả năng thoát lũ sau tràn của các hồ chứa thủy lợi.

5. Xây dựng, rà soát, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình, phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho công trình và vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định tại Luật Thủy lợi, Luật phòng chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn.

6. Xây dựng, rà soát, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy trình vận hành đập, hồ chứa thủy lợi the quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

a) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy trình vận hành đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

b) Khi vận hành đập, hồ chứa thủy lợi phải thực hiện thông tin, cảnh báo kịp thời, chính xác đến cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan và chính quyền khu vực hạ du đập, hồ chứa, bao gồm: thời gian xả lũ, tín hiệu báo xả lũ, thời điểm xả lũ, vị trí xả lũ, lưu lượng xả lũ, dự kiến chiều cao mực nước dâng lớn nhất khu vực chịu ảnh hưởng do xả lũ. Quá trình thực hiện vận hành phải được ghi chép đầy đủ vào sổ nhật ký.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành công trình đập, hồ chứa thủy lợi, liên hồ chứa thủy lợi; rà soát, đánh giá các nội dung không còn phù hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền để chỉnh sửa quy trình nhằm bảo đảm vận hành an toàn công trình và vùng hạ du đập trong điều kiện bình thường và khi có thiên tai.

7. Tổ chức trực ban 24/24 giờ để theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai và các hoạt động bảo đảm an toàn công trình thủy lợi khi có mưa, lũ, bão xảy ra tại khu vực công trình.

8. Tổng hợp và báo cáo kịp thời, chính xác tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình thủy lợi và các thiệt hại khác thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

9. Khắc phục kịp thời, hiệu quả thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình thủy lợi, đảm bảo đưa công trình vào vận hành kịp thời.

10. Tổ chức diễn tập phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là vùng hạ du đập, hồ chứa nước xung yếu, vùng hạ du là thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

11. Tổ chức lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu về thiên tai, hồ sơ về quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi.

a) Thông tin, dữ liệu về thiên tai ảnh hưởng đến công trình thủy lợi phải được cập nhật thường xuyên bao gồm thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình.

b) Hồ sơ quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi phải được lưu trữ bao gồm tài liệu khảo sát, thiết kế, hoàn công xây dựng, sửa chữa lớn và nâng cấp công trình; tài liệu về kiểm định, bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình; các biên bản, báo cáo kiểm tra mức độ an toàn phòng chống thiên tai; phương án bảo vệ công trình, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (nếu có); quy trình vận hành công trình và các tài liệu khác liên quan đến an toàn phòng chống thiên tai được cấp có thẩm quyền quy định.

c) Hồ sơ quản lý công trình và cơ sở dữ liệu về thiên tai phải được lưu trữ có hệ thống tại cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi.

**Điều 12. Trách nhiệm thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi**

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi.

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 11 Thông tư này.

b) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng và mức độ ổn định công trình theo quy định, gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý theo thời gian như sau:

- Đối với báo cáo kiểm tra, đánh giá định kỳ: trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ; trước ngày 30 tháng 6 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ và Tây Nguyên; trước ngày 31 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Nam Bộ.

- Đối với báo cáo kiểm tra, đánh giá đột xuất: sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đánh giá đột xuất.

Ngoài việc báo cáo bằng văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi phải báo cáo qua điện thoại ngay sau khi phát hiện sự cố, hư hỏng công trình, tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai và gia tăng rủi ro thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

c) Xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi ảnh hưởng đến an toàn công trình thủy lợi. Trường hợp vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý và cơ quan quản lý chuyên ngành để được hỗ trợ.

d) Thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý chuyên ngành kết quả thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi.

đ) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống thiên tai đối với các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi.

b) Theo dõi, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai.

c) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình và mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá định kỳ hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình thủy lợi, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý: trước ngày 15 tháng 5 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ; trước ngày 15 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ và Tây Nguyên; trước ngày 15 tháng 8 hàng năm đối với công trình ở Nam Bộ.

đ) Báo cáo hoặc tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình: sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đánh giá đột xuất đối với việc tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm tra, đánh giá đột xuất của cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi.

e) Tổng hợp, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu hàng năm về thiên tai, công trình thủy lợi trong phạm vi toàn tỉnh.

g) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố, hư hỏng và các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai đối với công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

a) Thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thủy lợi.

b) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất hiện trạng công trình, mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

d) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố hư hỏng, tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình, gia tăng rủi ro thiên tai và các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi ảnh hưởng đến an toàn công trình thủy lợi phạm vi quản lý.

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình thủy lợi

**Điều 13. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**

1. Công bố danh sách khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đủ điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Thủy sản.

2. Ban hành và thông báo công khai quy chế quản lý khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

3. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phương án sắp xếp tàu thuyền neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

4. Kiểm tra, đánh giá hiện trạng, mức độ ổn định công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo cấp độ rủi ro thiên tai.

a) Kiểm tra thường xuyên hiện trạng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và khu vực lân cận.

b) Kiểm tra, đánh giá định kỳ trước và sau mùa mưa lũ hàng năm về hiện trạng, mức độ ổn định công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo các cấp độ rủi ro thiên tai.

c) Kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng, mức độ ổn định công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo các cấp độ rủi ro thiên tai ngay sau khi có cảnh báo thiên tai hoặc kết thúc đợt thiên tai.

5. Thông báo luồng lạch, phao tiêu báo hiệu, tình hình an toàn cầu, bến cho tàu cá ra, vào khu neo đậu tránh trú bão.

6. Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới và các thiên tai khác; tình hình tàu cá đang neo đậu tại khu neo đậu tránh trú bão để tàu thuyền trong vùng bị ảnh hưởng của thiên tai chọn nơi neo đậu an toàn và thuận lợi.

7. Tổ chức trực ban và treo tín hiệu báo bão, áp thấp nhiệt đới khi có thiên tai xảy ra theo quy định.

8. Tổ chức hướng dẫn, sắp xếp cho tàu thuyền vào neo đậu đúng nơi quy định, đảm bảo an toàn theo quy trình và phương án quản lý, vận hành.

9. Kiểm tra, kiểm soát việc người ở lại trên các phương tiện trong khu neo đậu khi có thiên tai xảy ra. Tuân thủ lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp.

10. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và phương tiện, tránh va đập làm hư hỏng tài sản hoặc đứt neo, dây buộc làm trôi dạt tàu thuyền, gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản.

11. Tổng hợp và báo cáo kịp thời, chính xác tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và các thiệt hại khác thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

12. Khắc phục kịp thời, hiệu quả do thiên tai gây ra đối với công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, đảm bảo đưa công trình vào vận hành kịp thời.

**Điều 14. Trách nhiệm thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 13 Thông tư này.

b) Lập sổ theo dõi tình hình hoạt động, tình trạng kỹ thuật các công trình, hạng mục công trình, trang thiết bị của khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

c) Thực hiện lệnh yêu cầu hoặc cưỡng chế ngư dân rời khỏi tàu và tổ chức đưa đến nơi trú ẩn an toàn khi có tình huống khẩn cấp.

d) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng và mức độ ổn định công trình theo quy định, gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý theo thời gian như sau:

- Đối với báo cáo kiểm tra, đánh giá định kỳ: trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ; trước ngày 30 tháng 6 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ và Tây Nguyên; trước ngày 31 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Nam Bộ.

- Đối với báo cáo kiểm tra, đánh giá đột xuất: sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đánh giá đột xuất.

Ngoài việc báo cáo bằng văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá phải báo cáo qua điện thoại ngay sau khi phát hiện sự cố, hư hỏng công trình, tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai và gia tăng rủi ro thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

d) Xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định pháp luật ảnh hưởng đến an toàn công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Trường hợp vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý và cơ quan quản lý chuyên ngành để được hỗ trợ.

e) Thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý chuyên ngành kết quả thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

g) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống thiên tai đối với các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

b) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trên địa bàn;

c) Lập danh bạ Khu neo đậu tránh trú bão thuộc quyền quản lý; số điện thoại, tần số liên lạc của thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; Định kỳ báo cáo và công bố danh mục Khu neo đậu tránh trú bão đủ điều kiện cho các cơ quan có liên quan.

d) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thuộc phạm vi quản lý.

đ) Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá định kỳ hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý: trước ngày 15 tháng 5 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ; trước ngày 15 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ và Tây Nguyên; trước ngày 15 tháng 8 hàng năm đối với công trình ở Nam Bộ.

e) Báo cáo hoặc tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình: sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, đánh giá đột xuất đối với việc tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm tra, đánh giá đột xuất của cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

g) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố, hư hỏng và các hành vi vi phạm quy định của pháp luật ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai đối với công trình công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thuộc phạm vi quản lý.

h) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

a) Thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

b) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá do địa phương quản lý.

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất hiện trạng công trình, mức độ ổn định phòng chống thiên tai của công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

d) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các sự cố hư hỏng, tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình, gia tăng rủi ro thiên tai và các hành vi vi phạm quy định của pháp luật ảnh hưởng đến an toàn công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15. Công tác kiểm tra thực hiện quy định nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.**

1. Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình đối với các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc phạm vi quản lý; gửi kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các cơ quan hoặc đơn vị quản lý chuyên ngành lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý và gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp trên.

3. Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp tổ chức các hoạt động kiểm tra đột xuất nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình nhằm đôn đốc và chấn chỉnh kịp thời các thiếu sót, vi phạm để tăng cường hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về phòng, chống, thiên tai.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra và tự kiểm tra nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phù hợp với nhiệm vụ được giao.

**Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Tổng cục Phòng chống thiên tai chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này trên phạm vi cả nước.

2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 17 . Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc CP;***-*** Bộ trưởng (để b/c);- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp;- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Công báo và Website Chính phủ;- Website Bộ NN&PTNT;- Các Tổng cục, Cục, Vụ, VP, TTra thuộc Bộ - Đơn vị chủ trì soạn thảo TT: Tổng cục PCTT (Bộ NN&PTNT; ĐH\_280b. | **BỘ TRƯỞNG****Lê Minh Hoan** |